

**BỘ QUỐC PHÒNG**  
**CÔNG TY TNHH MTV 319**

-----\*\*\*-----

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**XÍ NGHIỆP 359**

**Hải Phòng, tháng 10/2011**

## MỤC LỤC

### PHẦN I: NHỮNG CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### PHẦN II: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1	Thông tin cơ bản của Doanh nghiệp trước cổ phần hóa.....	5
2	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa (2008-2010) .....	15
3	Tình hình tài chính 3 năm trước cổ phần hóa .....	20
4	Tình hình sử dụng đất đai nhà xưởng .....	20
5	Giá trị thực tế của Doanh nghiệp và giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	21
6	Tình hình lao động .....	24
7	Những thuận lợi khó khăn trước cổ phần hóa.....	25

### PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1	Hình thức cổ phần hóa:.....	26
2	Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa .....	26
3	Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	36
4	Vốn điều lệ của công ty cổ phần .....	36
5	Cơ cấu vốn điều lệ.....	36
6	Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai và giá khởi điểm bán đấu giá.....	36
7	Cổ phần được mua giá ưu đãi .....	37
8	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược .....	37
9	Cổ phần ưu đãi cho người lao động:.....	37
10	Phương án sắp xếp lao động .....	38
11	Kế hoạch xử lý lao động dôi dư .....	40
12	Kế hoạch đào tạo lại .....	40
13	Dự toán chi phí cổ phần hóa .....	40
14	Thời gian, đối tượng phát hành, phương thức phát hành và dự kiến giá khởi điểm	41
15	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước .....	41
16	Kế hoạch sử dụng đất sau khi Cổ phần hóa.....	42
17	Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty sau Cổ phần hóa.....	43
18	Các kiến nghị của Doanh nghiệp.....	46

## Phần I: Những căn cứ lập Phương án cổ phần hóa

---

### Những căn cứ lập phương án cổ phần hóa của Xí nghiệp 359:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 31/2008/TT-BQP ngày 17/3/2008 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 49/2008/TT-BQP ngày 27/3/2008 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước trong quân đội;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh;
- Quyết định số 4242/QĐ-BQP ngày 01/11/2010 của Bộ Quốc phòng về việc cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng 359 thuộc Công ty TNHH MTV 319/Quân khu 3;
- Công văn số 559/CV-TGĐ ngày 16/09/2010 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV 319 về việc cổ phần hóa Xí nghiệp 359;
- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Xí nghiệp 359;
- Quyết định số 60/QĐ-XN ngày 02/10/2010 của Giám đốc Xí nghiệp 359 về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa nội bộ Xí nghiệp 359;
- Báo cáo tài chính cho các năm tài chính 2008,2009,2010 và 3 tháng đầu năm 2011 của Xí nghiệp 359;
- Quyết định số 3384/QĐ-BQP ngày 16/09/2011 của Bộ Quốc phòng về giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa;
- Và các tài liệu có liên quan khác.
- **Ghi chú:** Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Xí nghiệp 359 được lập và đã trình các cơ quan chức năng vào thời điểm Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ vẫn còn hiệu lực thi hành. Kể từ ngày 05/09/2011, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ

## **Phương án cổ phần hóa Xi nghiệp 359**

---

phần bắt đầu có hiệu lực thi hành, vì vậy Phương án cổ phần hóa được xây dựng theo những quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

---

## **Phần II: Tình hình chung của doanh nghiệp trước cổ phần hóa**

---

### **1 Thông tin cơ bản của Doanh nghiệp trước cổ phần hóa**

#### **1.1. Thông tin chung**

- Tên doanh nghiệp : Chi nhánh công ty TNHH MTV 319 - Xí nghiệp 359
- Tên gọi tắt : Xí nghiệp 359/Công ty 319/BQP
- Hình thức pháp lý : Là chi nhánh của Công ty nhà nước trực thuộc Bộ Quốc Phòng.
- Địa chỉ : Lô 3 - Đường Lê Duẩn - Phường Bắc Sơn - Quận Kiến An - Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 0316. 250106; 0313. 878359; 0313.876108
- Fax : 0313.877055

#### **1.2. Lịch sử hình thành và phát triển**

##### **1.2.1. Lịch sử hình thành**

- Xí nghiệp 359 - Công ty TNHH MTV 319 tiền thân là Xí nghiệp gạch ngói Quân khu được thành lập ngày 25/3/1959, với gạch ngói đất nung theo kế hoạch của cấp trên để phân phối cho các công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt, chiến đấu của Quân khu và cán bộ chính sách trong Quân đội.
- Năm 1993 trở lại đây Xí nghiệp được chuyển đổi thành Doanh nghiệp Nhà nước trong Quân đội tự hạch toán kinh doanh theo Quyết định số 384/QĐ-QP ngày 27/07/1993.
- Năm 1999 Xí nghiệp sáp nhập về Công ty xây dựng 319/QK3.
- Năm 2000 đổi tên là Xí nghiệp 359 là một thành viên trực thuộc Công ty theo giấy phép kinh doanh số : 313720 ngày 06/04/2001 của Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Năm 2010, Công ty xây dựng 319 chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức Công ty mẹ, Công ty con và Xí nghiệp 359 được đổi tên thành Chi nhánh công ty TNHH MTV 319 – Xí nghiệp 359 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số : 0100108984-010 ngày 11/08/2010 của Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

##### **1.2.2. Quá trình phát triển**

**gạch đất nung**

Trong những năm qua Xí nghiệp đã trải qua nhiều bước thăng trầm từ những ngày đầu thành lập sản xuất tập trung theo mô hình hợp tác xã tiến tới xoá bỏ bao cấp hoạt động theo cơ chế thị trường, trước những yêu cầu nhiệm vụ củng cố tổ chức SXKD đặc biệt trong những năm 1986 - 1990 chuyển đổi cơ chế Xí nghiệp phải chấp nhận sự cạnh tranh gay gắt của thị trường.

Năm 1994 Xí nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynen có công suất thiết kế 20triệu viên/năm với tổng giá trị xây lắp là 14 tỷ đồng. Năm 1995 chính thức đi vào hoạt động đạt công suất thiết kế và các thông số tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam 1450 - 86 TCVN đủ sức cạnh tranh trên thị trường Hải Phòng.

Qua hơn 15 sản xuất, đến nay dây chuyền sản xuất của xí nghiệp đã hết khấu hao, hoạt động ổn định và bằng nhiều biện pháp thay thế, đổi mới công nghệ, Xí nghiệp đã nâng công suất SX gạch lên 32 triệu viên/năm tức là vượt hơn 150% công suất thiết kế. Sản phẩm gạch QK đã có thương hiệu vững chắc trên thị trường và đã trở thành đơn vị đứng đầu trong ngành SX gạch tại Hải phòng có tên trên thông báo giá hàng tháng của Liên Sở Xây dựng – Tài chính thành phố Hải phòng.

Năm 2009 nhận thấy địa bàn huyện Bình Liêu thuộc tỉnh Quảng ninh có nhiều lợi thế trong việc phát triển sản phẩm gạch đất nung như các công trình đang được đầu tư xây mới nhiều nhưng cả huyện chưa có nhà máy gạch tuy nen nào mà chủ yếu phải mua ở Tiên yên cách xa 60km với giá thành cao. Xí nghiệp đã mạnh dạn đầu tư dây chuyền SX gạch tuy nen mới có công suất thiết kế 15 triệu viên/năm với tổng giá trị 27 tỷ đồng. Quý 1 đầu năm 2011 đã hoàn thành và cho ra sản phẩm đạt chất lượng tốt theo TCVN.

### **b. Lĩnh vực Xây dựng**

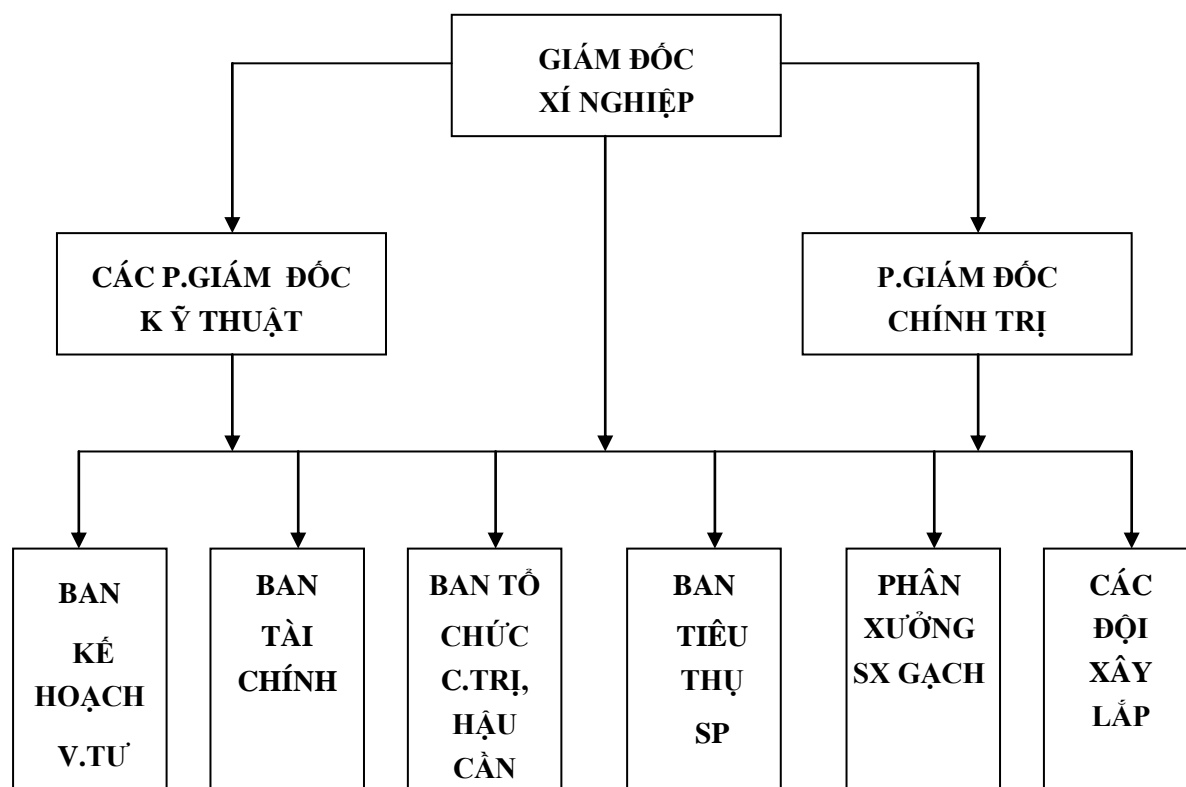
Năm 2000 Xí nghiệp 359 mở rộng loại hình SXKD sang lĩnh vực xây dựng cơ bản, từ những ngày đầu còn khó khăn, cán bộ kỹ sư chưa có nhiều kinh nghiệm, nội lực còn hạn chế, Xí nghiệp chỉ nhận thầu được những công trình có qui mô nhỏ, tính chất đơn giản như các khu nhà ở chiến sĩ, kho tàng, kênh mương, đ ường biên giới...và nguồn việc khai thác được chủ yếu từ Quân khu. Đến nay qua hơn 10 năm kinh nghiệm Xí nghiệp đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường xây lắp với những công trình có tầm vóc như: Đường 353 gói thầu R5: 51 tỷ, Khu đô thị phượng Hoàng: 80 tỷ, Nhà máy dược phẩm TW1: 26 tỷ, Trụ sở làm việc Viện kiểm sát ND TP Hải phòng: 30tỷ, dự án Trung tâm điều dưỡng đoàn 295: 60tỷ, mà gần đây nhất Xí nghiệp đã ký hợp đồng và đang thi công công trình: Cầu cảng Công ty 129 Hải Quân với giá trị 101 tỷ. Các công trình của Xí nghiệp ngày càng nhiều và đa dạng, chất lượng công trình tốt được chủ đầu tư đánh giá, đạt huy chương vàng. Đội ngũ cán bộ CVN của Xí nghiệp ngày nay đã được đào tạo bài bản theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 có thể đáp ứng thi công được mọi công trình tại mọi địa hình trên phạm vi cả nước.

Doanh thu của Xi nghiệp từ những ngày đầu là rất khiêm tốn nay đã nâng lên theo chiều hướng tăng trưởng vững chắc. Năm 2008 đạt doanh thu 65 tỷ, năm 2009 đạt doanh thu là 80 tỷ, năm 2010 đạt doanh thu là 110 tỷ, kế hoạch năm 2011 đạt doanh thu 150 tỷ.

### **1.3. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh**

- Khảo sát, dò tìm xử lý bom, mìn, vật nổ
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm điện, các công trình ngầm, nhà máy nước.
- Thi công xây lắp trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hoá
- Khai thác, sản xuất kinh doanh khoáng sản, đất sét, cao lanh, vật liệu xây dựng, Xi măng, gạch ngói, đại lý xăng dầu.
- Vận tải đường thủy, đường bộ.
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan.
- Bốc xếp hàng hoá cảng sông.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100108984-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 06/04/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/08/2010.

Sơ đồ tổ chức Xí nghiệp



Chức năng nhiệm vụ các phòng ban

a) Ban Kế hoạch – Vật tư

• Chức năng

- Tham mưu giúp Giám đốc trong vấn đề tìm kiếm việc làm.
- Tham mưu và giúp cho Giám đốc Xí nghiệp quản lý và tổ chức công tác thực hiện kế hoạch, kế hoạch khai thác thị trường cho hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp.
- Cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vật tư phục vụ cho khối sản xuất công nghiệp.

• Nhiệm vụ quyền hạn bộ phận kế hoạch

- Khảo sát tiếp cận thị trường về thông tin khoa học công nghệ, các dự án xây dựng, tham mưu cho Giám đốc kế hoạch đầu tư công nghệ và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm.
- Nghiên cứu xây dựng, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào thi công xây lắp.
- Quan hệ với phòng nghiệp vụ Xí nghiệp để làm các thủ tục đấu thầu.



- Quan hệ với các đối tác, trực tiếp lập hồ sơ đấu thầu cho các công trình.
  - Tổ chức theo dõi, giám sát chỉ đạo tiến độ thi công các công trình xây lắp; hàng tháng thực hiện kiểm tra khối lượng đã thi công tại hiện trường thi công của các đội để báo cáo giám đốc.
  - Thu thập thông tin quy định về chế độ đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước và các cơ quan bộ ngành.
  - Tìm hiểu thông tin về giá, các chế độ chính sách.
  - Tham mưu cho lãnh đạo ký kết các hợp đồng kinh tế, giao nhận thầu, đấu thầu.
  - Thảo hợp đồng kinh tế cho các công trình.
  - Lập kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý cho từng đơn vị bộ phận.
  - Báo cáo sản lượng kế hoạch hoàn thành tháng, quý, năm về Xí nghiệp.
  - Tổng hợp thực hiện kế hoạch của Xí nghiệp báo cáo Giám đốc, khi có yêu cầu.
  - Ký các văn bản của Ban KH-VT.
- **Nhiệm vụ quyền hạn bộ phận Vật tư – Tiền lương**
    - Bám sát, nắm chắc thị trường để cung ứng các loại vật tư kịp thời cho SXCN của Xí nghiệp.
    - Chủ động tìm kiếm nguồn vật liệu chủ yếu là đất, than phục vụ sản xuất; Lập phương án khai thác các nguồn đất mới trình giám đốc duyệt.
    - Kết hợp với Ban Kỹ thuật để theo dõi khai thác, sử dụng, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.
    - Quản lý kho vật tư, kho thành phẩm của Xí nghiệp đảm bảo đúng, đủ về khối lượng và chất lượng.
    - Hàng tháng theo dõi chấm công cho người lao động và đảm bảo trả lương cho người lao động đúng thời hạn.
    - Hàng năm lập kế hoạch tiền lương, quyết toán tiền lương đúng, đủ, kịp thời báo cáo Hội đồng tiền lương và giám đốc quyết định.

**b) Ban tài chính**

- **Chức năng**
  - Tham mưu, giúp việc Giám đốc Xí nghiệp quản lý vốn và tài sản, hoạch toán SXKD.
  - Bảo toàn và phát triển các nguồn vốn, huy động tốt các nguồn vốn để đảm bảo kịp thời cho sản xuất kinh doanh, cho đời sống người lao động.
- **Nhiệm vụ quyền hạn**

- Chịu trách nhiệm chung về tình hình hoạt động tài chính kế toán của XN.
- Quản lý vốn, cung cấp vốn phục vụ cho các dự án đầu tư và phục vụ sản xuất kinh doanh theo pháp lệnh kế toán thống kê.
- Cung cấp tài chính đúng, đủ và kịp thời cho các đội đảm bảo không chậm trễ ảnh hưởng tới tiến độ thi công.
- Thu hồi vốn kiểm tra thanh quyết toán về tài chính thanh lý hợp đồng kinh tế đối nội và đối ngoại.
- Quản lý thu chi mọi nguồn vốn, theo hợp đồng kinh tế.
- Hướng dẫn cho các đơn vị cơ sở trực thuộc Xí nghiệp mở sổ sách cập nhật chứng từ vốn, vật tư, hàng hóa, các chi phí khác hợp lệ theo quy định của Xí nghiệp và pháp lệnh kế toán thống kê.
- Đôn đốc kiểm tra các chứng từ của các đơn vị và các bộ phận liên quan, nhập xuất, thu chi đầy đủ hợp lệ khi công việc đã hoàn thành.
- Lập kế hoạch, khế ước vay vốn và trả vốn đúng thời hạn quy định.
- Đối chiếu và thanh toán công nợ với các đối tác trong và Ngoài xí nghiệp.
- Lập báo cáo quyết toán tài chính quý, năm lên cấp trên và các cơ quan theo quy định.
- Xử lý các tồn tại của chế độ quản lý kế toán.
- Quan hệ với các Ngân hàng để làm các loại hồ sơ vay vốn, giấy bảo lãnh đầu thầu, bảo lãnh hợp đồng nhanh chóng, kịp thời.
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất hàng tháng, quý, năm để cân đối lập kế hoạch điều hòa và cấp vốn cho sản xuất. Tổ chức quản lý các quỹ của Xí nghiệp.
- Ký các văn bản của Ban Tài chính – Kế toán.
- Đối ngoại về công tác tài chính.

**c) Ban Chính trị - Hậu cần**

● **Chức năng**

- Tham mưu và giúp cho Đảng ủy, Ban Giám đốc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng – công tác chính trị, tổ chức cán bộ, đào tạo, tuyển dụng, thanh tra, tự vệ. Các công tác về văn phòng, hành chính, y tế, bảo vệ an ninh trật tự của Xí nghiệp.

● **Nhiệm vụ quyền hạn**

- Chủ trì xây dựng nội quy, quy chế và các quy định mọi hoạt động của Xí nghiệp.
- Tuyển dụng lao động theo yêu cầu của Xí nghiệp.

- Đón tiếp khách của chỉ huy Xí nghiệp.
- Xây dựng chi phí thường xuyên, chi phí tiếp khách, văn phòng phẩm cho toàn Xí nghiệp.
- Tiếp nhận chuyển giao công văn, các văn bản, các quyết định của Xí nghiệp.
- Đánh máy, photo tài liệu, in ấn, đóng dấu, vào sổ sổ, bảo vệ con dấu.
- Quản lý hồ sơ và nhân sự của Xí nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch tu bổ sửa chữa doanh trại, thiết bị văn phòng làm việc.
- Mua sắm các thiết bị văn phòng.
- Quản lý và bảo quản điện thoại bàn, điện nước phục vụ công tác sinh hoạt.
- Lập kế hoạch mua bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên
- Liên hệ tổ chức điều trị khám chữa bệnh cho CBCNV theo định kỳ và phát sinh hàng ngày.
- Làm mọi thủ tục thanh toán tiền mua bảo hiểm y tế và chế độ thuốc mệ cho cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức cấp cứu theo dõi sức khỏe cho CBCNV.
- Tổ chức quản lý bếp ăn tập thể.
- Chăm sóc vườn hoa cây cảnh.
- Quản lý nhân sự, hồ sơ cán bộ công nhân viên,
- Công tác bảo vệ an ninh trật tự của cơ quan.
- Phối hợp với các địa phương trên địa bàn bảo vệ an ninh khu vực.
- Bảo vệ an toàn tài sản, phương tiện và người của cơ quan.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV toàn Xí nghiệp.
- Giải quyết các công việc hiếu, hỉ và các quan hệ với chính quyền đại phương.

**d) Ban tiêu thụ**

● **Chức năng**

- Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Xí nghiệp trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

● **Nhiệm vụ quyền hạn**

- Lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm tháng, quý, năm.
- Nghiên cứu thị trường, dự báo thị trường để đưa ra giá cả phù hợp.
- Kết hợp với Phân xưởng để đưa ra sản phẩm phù hợp với thị trường trong từng thời kỳ.
- Tổ chức các hình thức quảng cáo, tiếp thị, mở rộng thị trường thành lập các chi nhánh, các đại lý tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức điều vận xe ô tô và nhân lực bốc xếp để tiêu thụ sản phẩm, phân phối đến tận chân công trình tận, tay người tiêu dùng.
- Đàm phán dự thảo các hợp đồng kinh tế với các đối tác tiêu thụ sản phẩm báo cáo Giám đốc quyết định.
- Thực hiện công tác xuất nhập vật tư hàng hóa vật liệu xây dựng, sản phẩm sản xuất theo quy định kế toán thống kê và quy định của Xí nghiệp.
- Bám chắc các khách hàng, thu hồi công nợ và không để hạn mức dư nợ vượt nhiều so với định mức Xí nghiệp giao.
- Chịu trách nhiệm thu tiền khi hàng xuất khỏi kho Xí nghiệp.
- Ký các văn bản thuộc Ban Tiêu thụ.

**e) Ban Kỹ thuật**

• **Chức năng**

- Tham mưu và giúp việc cho Phó Giám đốc Sản xuất, Giám đốc Xí nghiệp trong công tác quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị và các lỗi kỹ thuật của phân xưởng.

• **Nhiệm vụ quyền hạn**

- Quản lý đội xe con theo quy định của Xí nghiệp
- Quản lý xăng dầu theo km và chi phí sửa chữa xe ô tô con.
- Giám sát, kiểm tra các công đoạn sản xuất của phân xưởng đảm bảo công nhân thực hiện đúng quy trình sản xuất, tiết kiệm, hiệu quả.
- Xử phạt các cá nhân, tổ chức thuộc khối Sản xuất khi thực hiện, vận hành không đúng quy định, gây lãng phí vật liệu, hư hỏng máy móc thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra các tính năng kỹ thuật của các loại máy, thiết bị sản xuất, nếu có sự cố phải có phương án khắc phục ngay không để gián đoạn sản xuất.
- Lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ không được để xảy ra tình trạng hỏng hóc mới sửa chữa.
- Báo cáo tình trạng sử dụng xe máy, thiết bị về Xí nghiệp và Xí nghiệp hàng tháng, quý, năm.

**f) Phân xưởng Sản xuất Gạch**

• **Chức năng**

- Điều hành mọi công tác sản xuất của khối phân xưởng đáp ứng đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- **Nhiệm vụ quyền hạn**

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và các chỉ tiêu giao khoán về định mức kinh tế kỹ thuật mà lãnh đạo Xí nghiệp giao.
- Quản lý mọi hoạt động sản xuất đến cấp tổ sản xuất.
- Lập phương án chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm Xí nghiệp giao cho.
- Thường xuyên kiểm tra duy tu bảo dưỡng, kiểm định thiết bị đo lường, định mức kinh tế kỹ thuật tiêu hao nguyên nhiên liệu vật tư phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra và nghiệm thu chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào và công tác KCS phân loại sản phẩm, giám định chất lượng sản phẩm sau khi nung.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các khâu vận hành máy móc, điều khiển lò nung sấy TUYNEL theo quy định đảm bảo an toàn lao động.
- Tổ chức sản xuất theo ca, kíp phân công trách nhiệm trực ca.
- Lập phương án thu gom đất khô phục vụ sản xuất hàng ngày, tuần.
- Kiểm tra, dự báo sự hỏng hóc của thiết bị, các vật tư thay thế, liên hệ chặt chẽ với bộ phận vật tư của ban Kế hoạch để mua kịp thời, không gây ách tắc sản xuất.
- Theo dõi tình hình thời tiết thường xuyên để có kế hoạch sản xuất sát với điều kiện thời tiết.
- Thành lập biên chế các tổ sản xuất vừa và đủ để hoàn thành nhiệm vụ.
- Sáng kiến cải tiến, tiết kiệm tăng năng suất lao động nâng cao mức thu nhập cho CBCNV.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ thanh toán tiền lương bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động.
- Tổ chức học tập, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho CBCNV.
- Tổ chức học tập ATLĐ thường xuyên cho công nhân.
- Chịu trách nhiệm toàn bộ về mọi hoạt động sản xuất của phân xưởng trước Xí nghiệp.
- Thường xuyên giáo dục công tác tư tưởng cho CBCNV thuộc quyền theo kế hoạch của cấp trên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**g) Các đội xây dựng**

- **Chức năng**

- Điều hành mọi công tác sản xuất kinh doanh công trình được giao

- Tham mưu cho Giám đốc trong vấn đề tìm kiếm việc làm.
- **Nhiệm vụ quyền hạn**
  - Tìm kiếm thị trường, bám nắm chủ đầu tư để nhận thầu các công trình xây dựng.
  - Kết hợp với Ban Kế hoạch để kiểm tra khối lượng khi có công trình mà đội được giao nhiệm vụ thi công.
  - Dự thảo hợp đồng kinh tế cùng với Ban Kế hoạch khi trúng thầu để Xí nghiệp ký kết hợp đồng.
  - Làm cam kết thi công, thực hiện nghiêm túc đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm ghi trong quyết định giao nhiệm vụ thi công công trình cụ thể, nhận hồ sơ thiết kế dự toán công trình.
  - Nghiên cứu hồ sơ thiết kế lập biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công.
  - Thi công đúng quy trình quy phạm kỹ thuật, đúng thiết kế, kỹ thuật chất lượng tốt.
  - Tổ chức nghiệm thu lên quyết toán từng giai đoạn hoàn thành với chủ đầu tư và xin thanh toán tạm ứng.
  - Tổ chức nghiệm thu thanh quyết toán công trình đã hoàn thành bàn giao công trình cho bên A chủ đầu tư.
  - Giám sát chặt chẽ chất lượng trong quá trình thi công, chất lượng vật tư, thường xuyên chỉ đạo sâu sắc để hoàn thành công trình như tiến độ đã vạch ra.
  - Tổ chức học ATLĐ cho CBCNV.
  - Theo dõi thị trường thường xuyên để có kế hoạch tập kết VL cho công trình.
  - Đối chiếu công nợ đơn đốc thu hồi vốn.
  - Thực hiện đúng cam kết thi công và các chỉ tiêu giao nộp đã ký với Xí nghiệp.
  - Tự chịu mọi trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và tính hiệu quả của công trình.

## 1.1 Công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị trực thuộc

### + Công ty mẹ

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số vốn góp tại Công ty (VNĐ)	%
1	Công ty 319 (Bộ Quốc phòng)	Địa chỉ: 145/154 đường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0100108984 ngày 25/1/2011 của Sở KHĐT thành phố Hà nội	18.093.817.573	100%

### + Công ty con.

Không có

### + Công ty liên doanh, liên kết

Không có

### Đơn vị trực thuộc

Không có

## 2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa (2008-2010)

### a) Số lượng sản phẩm tiêu thụ qua các năm

Các chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền
<b>Sản xuất công nghiệp</b>	<b>28,826,080</b>	<b>22,618,671,204</b>	<b>308,385,249</b>	<b>26,175,240,351</b>	<b>33,533,148</b>	<b>23,946,387,871</b>
Gạch ø 40 (viên)	26,900,680	20,500,693,933	304,713,000	22,495,368,267	29,086,798	19,885,833,323
Gạch ø 28 (viên)	234,000	137,522,727	1,360,950	1,171,021,009	2,174,900	1,782,636,366
Gạch ø đặc (viên)	1,691,400	1,980,454,544	2,307,100	2,505,917,837	2,271,450	2,277,918,182
Gạch 6 lỗ 1/2 (viên)			3,800	2,895,238		
Gạch 4 lỗ (viên)			399	38,000		
<b>Thị công xây lắp</b>		<b>49,057,737,952</b>		<b>69,719,613,840</b>		<b>78,674,323,280</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>71,676,409,156</b>		<b>95,894,854,191</b>	<b>33,533,148</b>	<b>102,620,711,151</b>

(Nguồn: Xi nghiệp 359)

b) Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

**Bảng 1: Tình hình Doanh thu, Lợi nhuận 2008-2010**

(Đơn vị: đồng)

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
			Giá trị	% TDT/TLN	Giá trị	% TDT/TLN	Giá trị	% TDT/TLN
I	Sản xuất công nghiệp	Doanh thu	22.618.671.204	31,4%	26.175.240.351	27,2%	24.758.973.111	24,0%
		Lợi nhuận	3.045.470.993	82,5%	871.268.449	33%	736.351.425	31,9%
II	Thi công xây lắp	Doanh thu	49.397.762.088	68,6%	69.936.684.831	72,8%	78.208.623.280	76%
		Lợi nhuận	643.943.300	17,5%	1.771.281.203	67%	1.572.970.848	68,1%
III	Tổng cộng	Doanh thu	72.016.433.292	100%	96.111.925.182	100%	102.967.596.391	100%
		Lợi nhuận trước thuế	3,689,414,294	100%	2,642,549,652	100%	2,309,322,273	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009, 2010 của Xí nghiệp 359)



## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

### c) Chi phí sản xuất

**Bảng 2: Bảng cơ cấu Chi phí doanh nghiệp 2008-2010**

(Đơn vị: đồng)

ST T	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Năm 2008		Năm2009		Năm2010	
		Giá trị	so với 2007	Giá trị	so với 2008	Giá trị	so với 2009
I.Sản xuất công nghiệp							
1	Chi phí trực tiếp	15.937.186.460	178,0%	21.360.204.184	134,0%	20.069.348.108	94,0%
	- Chi phí nguyên VL chính	7.160.034.042	184,3%	9.525.193.363	133,0%	9.954.509.173	104,5%
	- Chi phí công cụ, dụng cụ	52.863.409	61,7%	132.233.244	250,1%	120.663.231	91,3%
	- Chi phí động lực	797.075.400	106,3%	880.163.590	110,4%	859.639.800	97,7%
	- Chi phí khấu hao TSCĐ	266.594.000	317,9%	266.959.622	100,1%	171.039.905	64,1%
	-Tiền lương Ttiếp,PX	5.919.991.134	199,7%	8.100.412.147	136,8%	8.027.105.411	99,1%
	-Chi phí bằng tiền khác	1.740.628.475	146,8%	2.455.242.218	141,1%	936.390.588	38,1%
2	Chi phí bán hàng	268.808.908	147,1%	355.854.048	132,4%	309.923.537	87,1%
3	Chi phí quản doanh nghiệp	1.969.070.601	329,3%	3.055.961.052	155,2%	2.189.683.720	71,7%
4	Chi phí tài chính + CP khác	623.613.227	145,3%	540.326.808	86,6%	698.012.718	129,2%
	Cộng	18.798.679.196	184,9%	25.312.346.092	134,6%	23.266.968.083	91,9%
II	Thi công xây lắp						
1	Chi phí trực tiếp	66.103.634.843	127,6%	65.930.623.015	99,7%	64.377.560.191	97,6%
	- Chi phí nguyên vật liệu	42.983.828.458	116,9%	42.612.798.280	99,1%	42.059.633.266	98,7%
	- Chi phí nhân công	12.611.395.423	156,0%	14.337.967.253	113,7%	15.116.701.397	105,4%
	- Chi phí máy	6.141.636.428	150,7%	3.668.830.335	59,7%	2.861.028.779	78,0%
	- Chi phí chung	4.020.632.107	147,1%	4.284.612.056	106,6%	4.296.560.385	100,3%
	- Hợp đồng B phụ	346.142.427	237,5%	1.026.415.091	296,5%	43.636.364	4,3%
2	Chi phí quản doanh nghiệp	1.646.554.617	86,9%	922.458.285	56,0%	1.991.559.440	215,9%
3	Chi phí tài chính+ CP khác	411.310.366	69,1%	267.360.254	65,0%	554.917.960	207,6%
	Cộng	68.161.499.826	125,6%	67.120.441.554	98,5%	66.924.037.591	99,7%
	Tổng cộng	86.960.179.022	134,9%	92.432.787.646	106,3%	90.191.005.674	97,6%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009, 2010 của Xí nghiệp 359)

### d) Trình độ công nghệ.

## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

Xí nghiệp hiện nay đang sở hữu 2 dây chuyền SX gạch tuynen

- Dây chuyền 1: Được đầu tư từ năm 1994 đến nay đã hết khấu hao có máy móc thiết bị chủ yếu là của Liên Xô và Việt Nam sản xuất, công nghệ lò nung tuynen công suất 20 triệu viên/năm, nay đã nâng công suất lên 32 triệu viên/năm.

- Dây chuyền 2 : Đầu tư năm 2010, máy móc thiết bị chủ yếu là của Việt Nam sản xuất, công nghệ lò nung tuynen công suất 15 triệu viên/năm.

- Thiết bị phục vụ xây dựng công trình :

STT	Tên hoặc chủng loại	Nước SX	Năm SX	Số lượng
1	Máy ủi Komatsu d60p	Nhật Bản	2002	1
2	Máy xúc solar 200w	Hàn Quốc	2002	1
3	Máy ủi CAFERILAT	Nhật Bản	2008	1
4	Xe ô tô con Daewoo nibira	Hàn Quốc	2002	1
5	Xe ô tô con Maxda 626	Nhật Bản	2001	1
6	Xe Ôtô Toyota Camry	Nhật	2010	1
7	Lu rung Sakai	Nhật	2002	1
8	Lu tĩnh Sakai R2	Nhật	2001	1
9	Máy ủi Komatsu D50P	Nhật	2006	1
10	Máy xúc Sola 200W	Nhật	2008	1
11	Máy xúc Sola 200W	Hàn Quốc	2008	1
12	Máy ủi Komatsu D31-16	Nhật	2009	1

### e) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện nay, Xí nghiệp 359 đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 vào sản xuất kinh doanh và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Đây là công cụ giúp Xí nghiệp 359 đảm bảo chất lượng sản phẩm cải tiến liên tục hệ thống

**Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359**

chất lượng. Tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 được Xí nghiệp 359 áp dụng trong những phạm vi sau:

- + Đấu thầu, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- + Sản xuất và cung ứng các sản phẩm gạch đất nung xây dựng.

f) Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Tên chủ đầu tư	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành
1	Xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát ND Thành phố Hải Phòng.	26.779.366.000	Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng	T10/2008	T5/2010
2	Xây dựng Trụ sở toà án Quân sự khu vực 1/QK3.	8.608.409.000	Toà án Quân sự khu vực 1/QK3	T9/2009	T8/2010
3	Xây dựng Ban chỉ huy Quân sự Bạch Long Vĩ.	10.552.273.000	Bộ chỉ huy Quân sự Hải Phòng	T7/2010	T4/2011
4	Đoàn an điều dưỡng 295 (gói thầu 2).	13.215.100.000	Đoàn an điều dưỡng 295/QK3	T8/2010	350 ngày
5	Bãi đỗ hàng container số 3.	14.745.653.000	Công ty TNHH MTV 128	T12/2010	115 ngày
6	Gói thầu số 3.DA cải tạo nâng sức chứa kho xăng dầu K99	17.508.930.000	Tổng Công ty xăng dầu Quân đội	T1/2011	180 ngày
7	Nhà ở sinh hoạt cơ quan BTM/QK3	10.741.098.000	Bộ tư lệnh QK3	T02/2011	T10/2011
8	Gói thầu số 9: XD cầu tàu 10.000DWT	101.120.008.005	Công ty TNHH MTV 128	T6/2011	420 ngày
9	XD đường giao thông và hệ thống thoát nước Khu đô thị Phụng Hoàng	79.802.616.000	Công ty TNHH liên doanh PT khu cảng Dân Tiến	T4/2008	

359)

### 3 Tình hình tài chính 3 năm trước cổ phần hóa

**Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính 2007-2009**

(Đơn vị: đồng)

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Tổng tài sản	76,473,554,845	71,142,758,189	74,659,128,209
2	Nợ phải thu	13,896,561,455	8,252,133,180	13,878,390,056
3	Nợ phải trả	68,486,540,572	61,990,678,075	64,519,671,293
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	7,256,834,489	8,171,539,116	10,139,456,916
5	Doanh thu	<b>72,016,433,292</b>	<b>96,111,925,182</b>	<b>102,967,596,391</b>
	a- Doanh thu sản phẩm SXCN	22,618,671,204	26,175,240,351	24,758,973,111
	b- Doanh thu xây lắp	49,397,762,088	69,936,684,831	78,208,623,280
6	Lợi nhuận trước thuế	<b>5,124,186,519</b>	<b>3,523,399,536</b>	<b>3,079,096,364</b>
	a- Lợi nhuận sản phẩm SXCN	4,229,820,824	1,161,691,265	981,801,900
	b- Lợi nhuận thi công xây lắp	894,365,695	2,361,708,271	2,097,294,464
7	Lợi nhuận sau thuế	<b>3,689,414,294</b>	<b>2,642,549,652</b>	<b>2,309,322,273</b>
	a- Lợi nhuận sản phẩm SXCN	3,045,470,993	871,268,449	736,351,425
	b- Lợi nhuận thi công xây lắp	643,943,300	1,771,281,203	1,572,970,848
8	Phải nộp ngân sách	4,351,355,302	5,400,862,556	7,954,857,536
	Trong đó: Thuế TNDN	1,434,772,225	880,849,884	769,774,091
9	Số đã nộp ngân sách	4,045,601,893	4,454,873,966	9,519,833,748
10	Số nhười lao động	545	550	491
11	Thu nhập bình quân	2.200.000đ/người	2.600.000đ/người	2.854.582đ/ người

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009, 2010 của Xí nghiệp 359)

### 4 Tình hình sử dụng đất đai nhà xưởng

#### 4.1 - Tình hình sử dụng đất:

Khu đất	Vị trí	Diện tích	Hồ sơ pháp lý
1	Tại phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	79.795,8 m <sup>2</sup>	Đất Quốc phòng
2	Tại phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	160 m <sup>2</sup>	Đất Quốc phòng
3	Khu đất tại xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	74.970 m <sup>2</sup>	Đất rừng đồi đang làm thủ tục xin thuê đất với tỉnh Quảng Ninh

## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

### 4.2 - Nhà xưởng

STT	Tên hạng mục	Năm XD	ĐVT	Khối lượng	Tình trạng
<b>I</b>	<b>Nhà ở vật kiến trúc</b>				
1	Nhà làm việc 2 tầng	1987	m2	432,00	41%
2	Nhà làm việc 3 tầng	2002	m2	947,52	60%
3	Nhà làm việc dịch vụ	2005	m2	454,24	63%
4	Nhà ăn tập thể	2001	m2	293,80	45%
5	Nhà ở Công nhân	2010	m2		100%
12	Đường nội bộ xí nghiệp	1995	m3	277,500	56%
13	Sân bê tông khuôn viên nhà làm việc	1995	m3	99,53	62%
15	Tường rào bảo vệ xí nghiệp	1995	md	215,00	50%
<b>II</b>	<b>Dây chuyền SX gạch CS. 20trviên/năm</b>				
23	Toàn bộ phần xây dựng nhà máy SX gạch đất nung 20T viên/năm	1995	550	20.000.000	40%
24	Toàn bộ phần máy, thiết bị nhà máy SX gạch đất nung 20T viên/năm	1995	300	20.000.000	30%

## 5 Giá trị thực tế của Doanh nghiệp và giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Theo Quyết định số 3384/QĐ-BQP ngày 16/09/2011 của Bộ Quốc phòng về giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa:

Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2011 của Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: **82.613.488.866 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **18.093.817.573 đồng.**
- Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán): **562.317.547 đồng.**

**Phương án cổ phần hóa Xi nghiệp 359**

Chi tiết Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2010

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số liệu</i>	<i>Số liệu</i>	<i>Chênh lệch</i>
	<i>Số kế toán</i>	<i>xác định lại</i>	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 3 – 2</i>
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>74.096.810.662</b>	<b>82.613.488.866</b>	<b>8.516.678.204</b>
<b>I. Tài sản dài hạn</b>	<b>9.488.486.623</b>	<b>18.005.164.827</b>	<b>8.516.678.204</b>
<i>1. Các khoản phải thu dài hạn</i>	-	-	-
<i>2. Tài sản cố định</i>	<i>9.257.474.922</i>	<i>17.710.274.823</i>	<i>8.452.799.901</i>
2.1. Tài sản cố định hữu hình	1.969.578.001	10.422.377.902	8.452.799.901
a. Nhà cửa, vật kiến trúc	383.122.299	6.567.653.666	6.184.531.367
b. Máy móc thiết bị	1.196.455.702	3.254.361.072	2.057.905.370
c. Ph-ong tiện vận tải	390.000.000	600.363.164	210.363.164
2.2. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
2.3. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
2.4. Chi phí XDCB dở dang	7.287.896.921	7.287.896.921	-
<i>3. Bất động sản đầu t-</i>	-	-	-
<i>4. Các khoản đầu t- tài chính dài hạn</i>	-	-	-
<i>5. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>231.011.701</i>	<i>294.890.005</i>	<i>63.878.304</i>
5.1. Chi phí trả tr-ớc dài hạn	-	63.878.304	63.878.304
5.2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
5.3. Tài sản dài hạn khác	231.011.701	231.011.701	-
<b>II. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>64.608.324.039</b>	<b>64.608.324.039</b>	<b>-</b>
<i>1. Tiền và các khoản t-ong đ-ong tiền</i>	<i>6.517.752.971</i>	<i>6.517.752.971</i>	<i>-</i>
1.1. Tiền	6.517.752.971	6.517.752.971	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	2.057.548.672	2.057.548.672	-
b. Tiền gửi ngân hàng	4.460.204.299	4.460.204.299	-
c. Tiền đang chuyển	-	-	-
1.2. Các khoản t-ong đ-ong tiền	-	-	-
<i>2. Các khoản đầu t- tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
<i>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>13.878.390.056</i>	<i>13.878.390.056</i>	<i>-</i>
3.1. Phải thu của khách hàng	12.495.023.837	12.495.023.837	-
3.2. Trả tr-ớc cho ng-ời bán	-	-	-
3.3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.325.677.505	1.325.677.505	-
3.4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-

**Phương án cổ phần hóa Xi nghiệp 359**

3.5. Các khoản phải thu khác	57.688.714	57.688.714	-
3.6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
<b>4. Vật t- , hàng hoá tồn kho</b>	<b>37.839.556.149</b>	<b>37.839.556.149</b>	-
4.1. Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-
4.2. Nguyên vật liệu	3.749.369.814	3.749.369.814	-
4.3. Công cụ dụng cụ	15.067.704	15.067.704	-
4.4. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.124.707.499	33.124.707.499	-
4.5. Thành phẩm tồn kho	950.411.132	950.411.132	-
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>6.372.624.863</b>	<b>6.372.624.863</b>	-
5.1. Chi phí trả tr- ớc ngắn hạn	49.738.500	49.738.500	-
5.2. Thuế giá trị gia tăng đ- ợc khấu trừ	-	-	-
5.3. Thuế và các khoản phải thu Nhà n- ớc	-	-	-
5.4. Tài sản ngắn hạn khác	6.322.886.363	6.322.886.363	-
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)</b>	-	-	-
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	-	-	-
<b>B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</b> (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	<b>562.317.547</b>	<b>562.317.547</b>	-
<b>I. Tài sản dài hạn</b>	<b>562.317.547</b>	<b>562.317.547</b>	-
<b>1. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
<b>2. Tài sản cố định</b>	<b>562.317.547</b>	<b>562.317.547</b>	-
2.1. Tài sản cố định hữu hình	562.317.547	562.317.547	-
a. Máy móc thiết bị	-	-	-
b. Ph- ơng tiện vận tải	245.857.049	245.857.049	-
c. Tài sản cố định khác	316.460.498	316.460.498	-
2.2. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
2.3. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
2.4. Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
<b>C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	-	-	-
<b>D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)</b>	<b>74.659.128.209</b>	<b>83.175.806.413</b>	<b>8.516.678.204</b>
Trong đó: <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>74.096.810.662</b>	<b>82.613.488.866</b>	<b>8.516.678.204</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>64.519.671.293</b>	<b>64.519.671.293</b>	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-

## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

E3. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ N- ÓC TẠI DOANH NGHIỆP (A - (E1+E2+E3))</b>	<b>9.577.139.369</b>	<b>18.093.817.573</b>	<b>8.516.678.204</b>

### 6 Tình hình lao động

- Lao động của Xí nghiệp 359 tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là **260 người**. Chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo.

**Bảng 5: Lao động của DN tại thời điểm XDGTĐN**

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<i>Theo tính chất hợp đồng lao động</i>		
+ Sỹ quan	03	1,17%
+ Quân nhân chuyên nghiệp	23	8,84%
+ Công nhân VCQP	14	5,38%
+ Hợp đồng có xác định thời hạn	174	66,92%
+ Hợp đồng không xác định thời hạn		
+ Hợp đồng theo thời vụ	46	17,69%
<b>Tổng cộng</b>	<b>260</b>	<b>100%</b>
<i>Theo trình độ lao động</i>		
+ Trên đại học, đại học	40	15,4%
+ Cao đẳng, trung cấp, THCN	41	15,76%
+ Trình độ kỹ thuật bậc cao		
+ Trình độ sơ cấp	48	18,46%
+ Lao động phổ thông	131	50,38%



<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng (người)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>260</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Xí nghiệp 359)

## **7 Những thuận lợi khó khăn trước cổ phần hóa**

### **7.1 Thuận lợi**

- Về Tài chính, Xí nghiệp nhận được sự hỗ trợ về bảo lãnh khoản vay vốn hàng năm phục vụ cho hoạt động SXKD.
- Được sử dụng thương hiệu mạnh của Công ty TNHH MTV 319 trong việc giao dịch tìm kiếm việc làm
- Được sử dụng năng lực của Công ty mẹ trong việc đấu thầu.
- Có mặt bằng sản xuất, xây dựng trụ sở làm việc đồng bộ
- Có một số thiết bị Công ty giao cho quản lý
- Có chiến lược kinh doanh tốt của ban lãnh đạo Công ty
- Sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ, nhân viên trong đơn vị trong nhiều năm để có được thành quả

### **7.2 Khó khăn**

- Do Đơn vị hạch toán phụ thuộc nên có nhiều khó khăn trong việc tự chủ, tự quyết về tài chính.
- Về nhân sự, Nhiều nhân sự của Xí nghiệp có trình độ ngành nghề được đào tạo chưa phù hợp với thực tế của đơn vị, nhiều vị trí năng lực còn yếu phải đào tạo lại nên chưa phát huy tốt hiệu quả trong công việc.
- Dây chuyền sản xuất gạch tại đơn vị đã cũ, nát hỏng hóc nhiều dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa cao và tốn nhiều chi phí để vận hành sửa chữa, bảo dưỡng
- Còn nhiều hạn chế trong việc tiếp cận các dự án có giá trị lớn

## **Phần III: Phương án cổ phần hóa**

---

### **1 Hình thức cổ phần hóa:**

Căn cứ tình hình thực tế, Xí nghiệp 359 chọn hình thức: Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

### **2 Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

#### **2.1 Thông tin Doanh nghiệp**

- Tên Công ty : **Công ty Cổ phần 359**
- Tên tiếng Anh : 359 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : 359 JSC.
- Trụ sở : Lô 3 đường Lê Duẩn – Kiến An – Hải Phòng
- Điện thoại : (031) 3877 055
- Fax : (031) 3877 055
- Website : [www.359.com.vn](http://www.359.com.vn)

#### **2.2 Hình thức pháp lý:**

Sau khi cổ phần hoá, Xí nghiệp 359 sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần trong đó Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

#### **2.3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Bốc xếp hàng hoá cảng sông.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan.
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ.
- Sản xuất bao bì bằng gỗ.

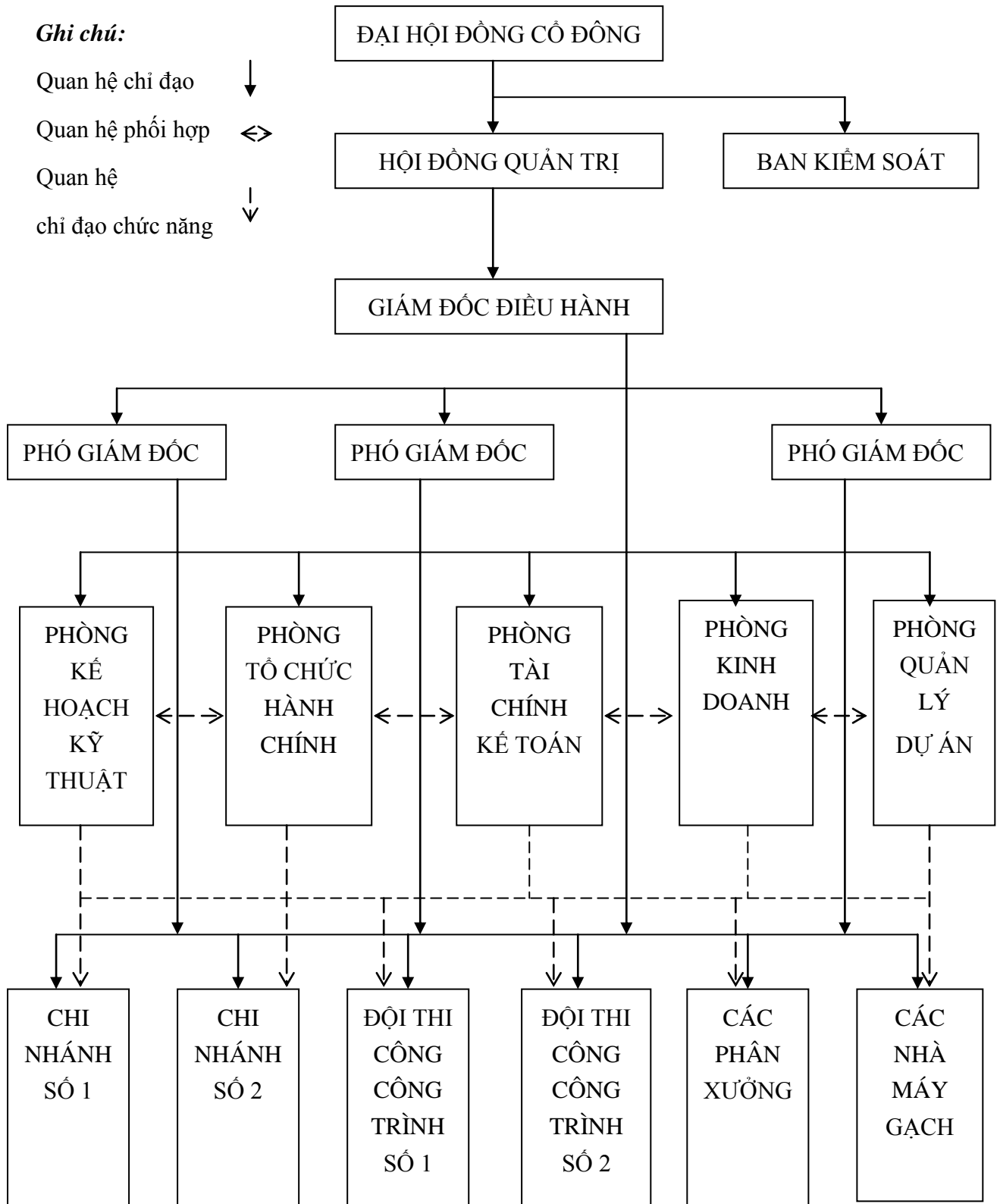
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại quý hiếm.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Phá dỡ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vận tải đường thủy, đường bộ.
- Khai thác, sản xuất kinh doanh khoáng sản, đất sét, cao lanh, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch ngoài và đại lý xăng dầu.
- Nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải phục vụ xây dựng.
- Lắp đặt thiết bị, dây truyền công nghệ.
- Thi công xây lắp, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hoá.
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm điện, các công trình ngầm, nhà máy nước.
- Khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; Thiết kế kiến trúc công trình; kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế công trình cầu, đường bộ.
- Lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng.
- Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, cầu và đường bộ, thủy lợi; Lĩnh vực chuyên môn giám sát; Xây dựng và hoàn thiện.
- Khai thác đá, cát, sỏi.
- Cưa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng.

## 2.4 Cơ cấu tổ chức

### Sơ đồ tổ chức:

**Ghi chú:**

Quan hệ chỉ đạo ↓  
 Quan hệ phối hợp ↔  
 Quan hệ  
 chỉ đạo chức năng ↓



### Chức năng nhiệm vụ các phòng ban:

#### ► Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

#### ► Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

#### ► Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

#### ► Ban Giám đốc:

Gồm Giám đốc và các Phó giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc chuyên môn. Ban Giám đốc công ty dự kiến 4 người gồm 1 Giám đốc và 3 Phó giám đốc.

#### ► Các phòng ban nghiệp vụ:

Các phòng ban kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả. Dự kiến định biên nhân sự cho các phòng ban chức năng như sau:

- + Phòng Kế hoạch - vật tư - kỹ thuật : 14 người (gồm 03 lái xe)
- + Phòng Tài chính kế toán : 04 người
- + Phòng Tổ chức - hành chính - hậu cần: 11 người (gồm cả bảo vệ - nấu ăn)
- + Phòng Kinh doanh : 04 người
- + Phòng QLDA đầu tư : 05 người
- + Nhà máy tại Kiến An : 153 người ( gồm 01 giám đốc - 02 phó giám đốc)
- + Nhà máy tại Bình Liêu : 110 người (gồm 01 giám đốc - 02 phó giám đốc)

**► Phòng Kế hoạch - vật tư – kỹ thuật:**

- + Cơ cấu: 14 người
- + Chức năng, nhiệm vụ:
  - Tham mưu cho Ban giám đốc trong quá trình điều hành thuộc lĩnh vực kế hoạch.
  - Xây dựng kế hoạch phát triển công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Theo dõi giám sát việc thực hiện kế hoạch đó.
  - Tham mưu cho Ban giám đốc trong các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty. Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Đưa ra giải pháp, biện pháp để giúp các Ban chức năng, đầu mối hoàn thành nhiệm vụ, cải tiến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
  - Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, 6 tháng đầu năm, cuối năm giúp Ban giám đốc trong việc thống kê, báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban giám đốc.
  - Xây dựng giá thành nội bộ cho từng dự án, hợp đồng theo quy chế quản lý của Công ty.
  - Theo dõi, thống kê phân tích tình hình biến động của thị trường trong lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động, báo cáo Ban giám đốc để có những quyết định kịp thời trong điều hành quản lý doanh nghiệp.
  - Phụ trách việc tìm kiếm việc làm, lập hồ sơ đấu thầu các dự án, quản lý hồ sơ lưu trữ các dự án trong khi thực hiện và sau khi hoàn thành.
    - Tham mưu và giúp việc cho Phó Giám đốc Sản xuất, Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị.
    - Quản lý đội xe con theo quy định của Công ty.
    - Quản lý xăng dầu theo km và chi phí sửa chữa xe ô tô con.
    - Lập kế hoạch theo dõi kiểm tra công tác bảo hộ, an toàn lao động, PCCN.

- Xử phạt các cá nhân, tổ chức thuộc nhà máy sản xuất khi thực hiện, vận hành không đúng quy định, gây lãng phí vật liệu, hư hỏng máy móc thiết bị.
- Đàm phán dự thảo các hợp đồng kinh tế trong xây lắp, mua sắm thiết bị, vật tư. Báo cáo giám đốc điều hành quyết định.
- Bám sát, nắm chắc thị trường để cung ứng các loại vật tư kịp thời cho nhà máy
- Chủ động tìm kiếm nguồn vật liệu chủ yếu là đất, than phục vụ SX. Lập phương án khai thác các nguồn đất mới trình giám đốc duyệt
- Kết hợp với nhà máy để theo dõi khai thác, sử dụng, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.
- Quản lý kho vật tư, kho thành phẩm của Công ty đảm bảo đúng, đủ về khối lượng và chất lượng
- Hàng tháng theo dõi chấm công cho người lao động và đảm bảo trả lương cho người lao động đúng thời hạn. Hàng năm lập kế hoạch tiền lương, quyết toán tiền lương đúng, đủ, kịp thời báo cáo Hội đồng tiền lương và giám đốc quyết định

**► Phòng Tài chính kế toán:**

+ Cơ cấu: 04 người

+ Chức năng nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Ban giám đốc Công ty trong việc hoạch định chiến lược và chính sách tài chính, quản lý điều hành và sử dụng vốn có hiệu quả.
- Tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty đảm bảo đúng quy chế, quy định của Công ty và luật kế toán nhà nước.
- Kiểm tra giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm được đại hội đồng cổ đông thông qua, lập kế hoạch tài chính: Kế hoạch thu, kế hoạch chi và kế hoạch huy động vốn phục vụ công tác SXKD của Công ty.
- Phân tích sự biến động thị trường, từ đó đánh giá và dự báo tình hình tài chính của Công ty. Đảm bảo vốn kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của toàn Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và kế hoạch được phê duyệt.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị trong Công ty.

- Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo tình hình tài chính theo yêu cầu của Ban kiểm soát Công ty, Hội đồng quản trị và các cơ quan chức năng.
- Tổng hợp kê khai quyết toán thuế, báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm theo qui định của Công ty và pháp luật.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng tổng hợp thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành, đảm bảo đúng các quy định chế độ của Nhà nước.
- Theo dõi tổng việc chi trả lương và các khoản chi khác cho người lao động trong Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khi được Giám đốc giao.

**► Phòng Tổ chức – hành chính - hậu cần:**

- + Cơ cấu: 11 người (trong đó: hậu cần 05 người, bảo vệ 04 người, cán bộ chuyên môn 02 người).
- + Chức năng nhiệm vụ:
  - Thực hiện về nhiệm vụ công tác Đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng phát động các phong trào thi đua cho toàn Công ty.
  - Quản lý những hoạt động thường nhật tại Công ty như: Tổ chức sắp xếp xe đi lại cho Ban giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức bảo vệ văn phòng, tài sản của Công ty.
  - Tổ chức các sự kiện: hội nghị, họp và tiếp khách của công ty.
  - Chịu trách nhiệm công tác vệ sinh an toàn tại trụ sở công ty.
  - Quản lý điện thoại chung, fax, gửi nhận công văn, hồ sơ tài liệu của công ty...
  - Thực hiện công việc nội chính trong công ty.
  - Quản lý mua sắm, xuất dùng văn phòng phẩm của công ty.
  - Quản lý con dấu và việc sử dụng con dấu theo đúng quy định hiện hành.
  - Quản lý hồ sơ nhân sự của công ty: hồ sơ lưu trữ cán bộ công nhân viên trong công ty; tiếp nhận phân loại sắp xếp tổng hợp hồ sơ phục vụ công tác tuyển dụng của công ty khi có nhu cầu.
  - Xây dựng, đề xuất kế hoạch về chế độ nghỉ phép, nghỉ theo chế độ, nghỉ mát hàng năm của công ty với Ban giám đốc.
  - Quản lý tài sản văn phòng của công ty.



- Theo dõi đôn đốc việc thực hiện thời gian, nề nếp làm việc của toàn công ty, báo cáo định kỳ cho Ban giám đốc.
- Chỉ đạo công tác hậu cần, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo khẩu phần ăn hàng ngày cho CBNV Công ty.
- Chỉ đạo bộ phận bảo vệ đảm bảo an toàn cho toàn đơn vị.
- Các nhiệm vụ đột xuất khác.

**► Phòng Kinh doanh:**

+ Cơ cấu: 04 người

+ Chức năng nhiệm vụ:

- Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc trong công tác tiêu thụ sản phẩm.
- Lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm tháng, quý, năm.
- Nghiên cứu thị trường, dự báo thị trường để đưa ra giá cả phù hợp.
- Kết hợp với nhà máy để đưa ra sản phẩm phù hợp với thị trường trong từng thời kỳ.
- Tổ chức các hình thức quảng cáo, tiếp thị, mở rộng thị trường thành lập các chi nhánh, các đại lý tiêu thụ sản phẩm.
- Tổ chức điều vận xe ô tô và nhân lực bốc xếp để tiêu thụ sản phẩm, phân phối đến tận chân công trình tận, tay người tiêu dùng.
- Đàm phán dự thảo các hợp đồng kinh tế với các đối tác tiêu thụ sản phẩm báo cáo Giám đốc quyết định.
- Thực hiện công tác xuất nhập vật tư hàng hóa vật liệu xây dựng, sản phẩm sản xuất theo quy định kế toán thống kê và quy định của Công ty.
- Bám chắc các khách hàng, thu hồi công nợ và không để hạn mức dư nợ vượt nhiều so với định mức Công ty giao.
- Chịu trách nhiệm thu tiền khi hàng xuất khỏi kho Công ty.
- Ký các văn bản thuộc Phòng Kinh doanh.

**► Phòng QLDA đầu tư:**

+ Cơ cấu: 05 người

+ Chức năng nhiệm vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của Công ty.
- Quản lý điều hành toàn bộ các dự án của Công ty.

- Đề xuất các vấn đề liên quan đến việc đầu tư xây dựng các công trình mới, cải tạo các công trình đã xây dựng.
- Phối hợp với Phòng Kế toán tài chính Công ty lập tiến độ nhu cầu vốn các dự án, đề xuất cho Giám đốc Công ty xét duyệt, thanh toán theo tiến độ các dự án.
- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc khảo sát, thiết kế, thi công công trình thuộc dự án và thẩm định trước khi trình Giám đốc Công ty.

**► Các đội xây lắp:**

- Điều hành mọi công tác sản xuất XD công trình đ- ợc giao
- Tham m- u giúp Giám đốc trong vấn đề tìm kiếm việc làm.
- Tìm kiếm thị tr- ờng, bám nắm chủ đầu t- để nhận thầu các công trình xây dựng.
- Kết hợp với phòng kế hoạch để kiểm tra khối l- ợng khi có công trình mà đội đ- ợc giao nhiệm vụ thi công.
- Dự thảo hợp đồng kinh tế cùng với phòng kế hoạch khi trúng thầu để Công ty ký kết hợp đồng.
- Làm cam kết thi công, thực hiện nghiêm túc đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm ghi trong quyết định giao nhiệm vụ thi công công trình cụ thể, nhận hồ sơ thiết kế dự toán công trình.
- Nghiên cứu hồ sơ thiết kế lập biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công để thi công đúng quy trình quy phạm kỹ thuật, đúng thiết kế kỹ thuật chất l- ợng tốt.
- Tổ chức nghiệm thu, quyết toán từng giai đoạn hoàn thành với chủ đầu t- và thanh toán tạm ứng.
- Tổ chức nghiệm thu thanh quyết toán công trình đã hoàn thành bàn giao công trình cho bên A chủ đầu t- .
- Giám sát chặt chẽ chất l- ợng trong quá trình thi công, chất l- ợng vật t- , th- ờng xuyên chỉ đạo sâu sắc để hoàn thành công trình nh- tiến độ đã vạch ra.
- Tổ chức học ATLĐ cho CBCNV
- Theo dõi thị tr- ờng th- ờng xuyên để có kế hoạch tập kết VL cho công trình.
- Đối chiếu công nợ đôn đốc thu hồi vốn.
- Thực hiện đúng cam kết thi công và các chỉ tiêu giao nộp đã ký với XN
- Tự chịu mọi trách nhiệm tr- ớc giám đốc Công ty và Đại hội đồng cổ đông về chất l- ợng, tiến độ, an toàn LĐ và tính hiệu quả của công trình .

**► Các Nhà máy sản xuất gạch:**

- Nhà máy gạch Kiến An:
- + Cơ cấu: 153 người (Trong đó: Chỉ huy nhà máy là 03 đ/c).

- Nhà máy gạch Bình Liêu:
- + Cơ cấu: 110 người (Trong đó: Chỉ huy nhà máy là 03 đ/c).
- + Chức năng nhiệm vụ:
  - Điều hành mọi công tác sản xuất của khối phân xưởng đáp ứng đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao.
  - Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và các chỉ tiêu giao khoán về định mức kinh tế kỹ thuật mà lãnh đạo Công ty giao.
  - Quản lý mọi hoạt động sản xuất đến cấp tổ sản xuất.
  - Lập phương án chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm Công ty giao cho.
  - Giám sát, kiểm tra các công đoạn sản xuất của nhà máy đảm bảo công nhân thực hiện đúng quy trình sản xuất, tiết kiệm, hiệu quả.
  - Thường xuyên kiểm tra các tính năng kỹ thuật của các loại máy, thiết bị sản xuất, nếu có sự cố phải có phương án khắc phục ngay không để gián đoạn sản xuất.
  - Lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ không được để xảy ra tình trạng hỏng hóc mới sửa chữa.
  - Thường xuyên kiểm tra duy tu bảo dưỡng, kiểm định thiết bị đo lường, định mức kinh tế kỹ thuật tiêu hao nguyên nhiên liệu vật tư phục vụ sản xuất.
  - Kiểm tra và nghiệm thu chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào và công tác KCS phân loại sản phẩm, giám định chất lượng sản phẩm sau khi nung.
  - Chấp hành nghiêm chỉnh các khâu vận hành máy móc, điều khiển lò nung sấy TUYNEL theo quy định đảm bảo an toàn lao động.
  - Tổ chức sản xuất theo ca, kíp phân công trách nhiệm trực ca.
  - Lập phương án thu gom đất khô phục vụ sản xuất hàng ngày, tuần.
  - Kiểm tra, dự báo sự hỏng hóc của thiết bị, các vật tư thay thế, liên hệ chặt chẽ với bộ phận vật tư của phòng Kế hoạch để mua kịp thời, không gây ách tắc sản xuất.
  - Theo dõi tình hình thời tiết thường xuyên để có kế hoạch sản xuất sát với điều kiện thời tiết.
  - Thành lập biên chế các tổ sản xuất vừa và đủ để hoàn thành nhiệm vụ.
  - Sáng kiến cải tiến, tiết kiệm tăng năng suất lao động nâng cao mức thu nhập cho CBCNV.
  - Tổ chức học tập, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho CBCNV.
  - Tổ chức học tập ATLĐ thường xuyên cho công nhân.
  - Chịu trách nhiệm toàn bộ về mọi hoạt động sản xuất của phân xưởng trước Công ty.

- Thường xuyên giáo dục công tác tư tưởng cho CBCNV thuộc quyền theo kế hoạch của cấp trên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### **3 Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Theo Quyết định số 3384/QĐ-BQP ngày 16/09/2011 của Bộ Quốc phòng về giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa:

Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2011 của Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: **82.613.488.866 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **18.093.817.573 đồng.**
- Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán): **562.317.547 đồng.**

### **4 Vốn điều lệ của công ty cổ phần**

- Vốn điều lệ của Công ty là : 20.000.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần : 2.000.000 cổ phần

### **5 Cơ cấu vốn điều lệ**

**Bảng 6: Cơ cấu vốn điều lệ và cổ đông**

STT	Đối tượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ %
1	Nhà nước	1.200.000	12.000.000.000	60%
2	Người lao động trong Doanh nghiệp được mua giá ưu đãi	160.800	1.608.000.000	8,04%
3	Nhà đầu tư bên ngoài	639.200	6.392.000.000	31,96%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### **6 Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai và giá khởi điểm bán đấu giá**

- Số lượng cổ phần bán theo phương thức đấu giá công khai: 639.200 cổ phần, chiếm 31,96% vốn điều lệ;

- Giá khởi điểm bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư là 10.000 đồng/1 cổ phần (*Bảng chữ: mười ngàn đồng/1 cổ phần*).

**7 Cổ phần được mua giá ưu đãi****Bảng 7: Danh mục người lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi**

<b>STT</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tại thời điểm công bố GTDN</b>
1	Tổng số lao động của Doanh nghiệp	260
2	Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi	207
3	Tổng số năm công tác trong khu vực Nhà nước (năm)	1.608
4	Tổng số cổ phần được bán ưu đãi cho CBCNV (cổ phần)	160.800
5	Tổng giá trị cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV (Tính theo mệnh giá)	1.608.000.000 VNĐ

Danh sách người lao động cùng số năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được mua ưu đãi, lập theo Phụ lục số 05 kèm theo Phương án này.

**8 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Không có

**9 Cổ phần ưu đãi cho người lao động:**

Theo Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, Công ty đã tiến hành cho người lao động đăng ký mua theo đúng quy định. Tuy nhiên, kết quả đăng ký là không có người lao động nào đăng ký mua.

10 Phương án sắp xếp lao động

**Bảng 8: Phương án sắp xếp lao động**

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.</b>	<b>260</b>
	- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (SQ, QNCN, CNVQP)	40
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	174
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng	
	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	46
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.</b>	<b>17</b>
1	<b>Số lao động đủ điều kiện h- u theo chế độ hiện hành</b>	<b>8</b>
	- Theo Nghị định số 152/2006/NĐ-CP	8
	- Theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP	
2	<b>Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:</b>	<b>9</b>
	- Hết hạn hợp đồng lao động	
	- Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	8
	- Lý do theo qui định của pháp luật	1
3	<b>Lao động chờ nghỉ việc theo Quyết định của Giám đốc</b>	<b>0</b>
4	<b>Số lao động không bố trí đ- ọc việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, chia ra:</b>	<b>0</b>
	- Số lao động thực hiện theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP	
	- Số lao động thực hiện theo Bộ luật lao động	
<b>III</b>	<b>Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần.</b>	<b>243</b>
1	<b>Số sỹ quan, QNCN, CNVQP</b>	<b>30</b>
	- Số lao động giữ vốn tại Công ty cổ phần	4
	- Số lao động đủ điều kiện về hu theo qui định hiện hành	
	- Số lao động bảo lu chờ chế độ	
	- Số lao động điều chuyển về Công ty mẹ	26
2	<b>Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn</b>	<b>213</b>
3	<b>Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:</b>	
	- ốm đau	0
	- Thai sản	0
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0

## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

4	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:	0
	- Nghĩa vụ quân sự	0
	- Nghĩa vụ công dân khác	0
	- Bị tạm giam, tạm giữ	0
	- Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0

(Nguồn: Xí nghiệp 359)

Xí nghiệp đề nghị Thủ trưởng cấp trên tạo điều kiện cho đơn vị được 04đ/c quản lý vốn Nhà nước vì lý do sau:

- Địa bàn hoạt động thi công xây lắp và sản xuất vật liệu rộng, trên nhiều tỉnh thành biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa như huyện đảo Bạch Long Vĩ, tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nội...Nên phải thường xuyên đi kiểm tra đôn đốc, chỉ đạo thi công.

- Hiện nay Đơn vị mở thêm nhà máy sản xuất gạch tuynel công suất 20triệu viên/năm tại xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu tỉnh Quảng Ninh vì vậy cần có 01đ/c Phó giám đốc trực tiếp điều hành.

Danh sách người lao động cần sử dụng theo yêu cầu SXKD; Danh sách người lao động không có nhu cầu sử dụng và Dự toán kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc chi tiết tại các phụ lục 2, phụ lục 3, phụ lục 4 kèm theo Phương án này.

**Bảng 9: Bảng chỉ tiêu tổng hợp cổ phần hóa doanh nghiệp 100% Vốn nhà nước**

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Đồng</b>	<b>20.000.000.000</b>	
	a) Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước	%	60%	
	b) Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động	%	8,04%	
	c) Tỷ lệ cổ phần bán ra bên ngoài doanh nghiệp	%	31,96%	
<b>2</b>	<b>Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp</b>	<b>Đồng</b>	<b>18.093.817.573</b>	
<b>3</b>	<b>Tổng số cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>160.800</b>	
	a) Tổng giá trị được ưu đãi	Đồng	1.608.000.000	
	b) Tỷ trọng so với tổng vốn Nhà nước nắm giữ	%	13,4%	
<b>4</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>Người</b>	<b>260</b>	
	a) Số lao động sẽ chuyển sang công ty cổ phần	Người	243	

**Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359**

	b) Số lao động không bố trí được việc làm	Người	0	
	c) Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	Người	17	
<b>5</b>	<b>Kinh phí chi trả cho lao động dôi dư</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>	
	a) Từ nguồn của doanh nghiệp	Đồng		
	b) Từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Đồng		
<b>6</b>	<b>Kinh phí chi trả trợ cấp phục viên, thôi việc, mất việc làm theo Bộ luật Lao động</b>	<b>Đồng</b>	<b>119.912.590</b>	

*(Nguồn: Xí nghiệp 359)***11 Kế hoạch xử lý lao động dôi dư**

Thực hiện các chế độ trợ cấp cho người lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp, theo quy định hiện hành.

**12 Kế hoạch đào tạo lại**

Không có

**13 Dự toán chi phí cổ phần hóa**

Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa là **400.000.000 đồng**, chi tiết như sau:

**Bảng 10: Dự toán chi phí cổ phần hóa**

<b>STT</b>		<b>(VNĐ)</b>	
1		290.000.000	HĐ ABS (290.000.000)
2		30.000.000	
3		40.000.000	
4		30.000.000	



## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

5		10.000.000	
		<b>400.000.000</b>	

*Nguồn: Xí nghiệp 359*

### 14 Thời gian, đối tượng phát hành, phương thức phát hành và dự kiến giá khởi điểm

#### 14.1 Thời gian dự kiến

Thời gian tổ chức bán cổ phần sẽ quy định cụ thể và được công bố rộng rãi tại

#### 14.2 Đặc điểm cổ phần chào bán

- Cổ phần o g : cổ phần phổ thông với các đặc điểm theo như quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- Việc chuyển nhượng và hạn chế chuyển nhượng được quy định theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ Công ty.

#### 14.3 Phương thức chào bán cổ phiếu

Chào bán theo phương thức đấu giá công khai số lượng 639.200 cổ phần, được thực hiện thông qua Tổ chức tài chính trung gian là Công ty Cổ phần chứng khoán An Bình. Địa điểm tổ chức bán đấu giá công khai là trụ sở Xí nghiệp 359, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

#### 14.4 Dự kiến giá khởi điểm

- Giá khởi điểm để chào bán cổ phần ra công chúng thông qua đấu giá là 10.000 đồng/cổ phần.

### 15 Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước

**Bảng 11: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước**

Khoản mục	Giá trị (VNĐ)
1. Tiền thu từ bán cổ phần tạm tính theo giá khởi điểm	7.356.800.000
<i>Trong đó</i>	
- Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động (*)	964.800.000

Khoản mục	Giá trị (VNĐ)
- Bán đấu giá công khai	6.392.000.000
2. Phần khấu trừ	
- Chi phí cổ phần hóa	400.000.000
- Chi phí giải quyết chế độ phục viên, thôi việc	119.912.590
3. Phần thặng dư (1-2)	6.836.887.410
4. Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá được để lại doanh nghiệp (A)	1.906.180.000
5. Phần tiền còn lại nộp cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp công ty mẹ (5=3-4)	4.931.852.810

(\*) Tạm tính theo 60% giá khởi điểm 10.000 đồng/cổ phiếu

$$A = \frac{\text{Số CP phát hành thêm}}{\text{Tổng số CP phát hành theo vốn ĐL}} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{tiền thu} \\ \text{được} \\ \text{từ bán CP} \end{array} \right. - \left\{ \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{CP đã} \\ \text{bán tính} \\ \text{theo} \\ \text{mệnh giá} \end{array} \right. - \left\{ \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{CPH} \end{array} \right. - \left\{ \begin{array}{l} \text{Chi giải} \\ \text{quyết} \\ \text{chế độ} \\ \text{thôi} \\ \text{việc} \end{array} \right.$$

## 16 Kế hoạch sử dụng đất sau khi Cổ phần hóa

- Đối với khu đất tại Lô 3 đường Lê Duẩn - Kiến An diện tích là 79.795,8m<sup>2</sup> trong đó diện tích ao hồ chiếm 20.000m<sup>2</sup> Công ty thuê đất của BQP và lập kế hoạch xin chuyển đổi mục đích sử dụng một phần khu đất thuộc diện tích ao hồ sang xây nhà ở cho cán bộ công nhân viên.

- Đối với khu đất tại số 236 đường Lê Duẩn - Kiến An diện tích: 160m<sup>2</sup> Công ty thuê của BQP làm văn phòng đại diện, giới thiệu sản phẩm.

- Đối với khu đất tại xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu diện tích là 74.970m<sup>2</sup>. Trong đó có 32.000 m<sup>2</sup> là vùng nguyên liệu, diện tích còn lại làm nhà xưởng cho nhà máy 2, nhà điều hành và nhà ở cho cán bộ công nhân viên.

## 17 Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty sau Cổ phần hóa

### 17.1 Mục tiêu

- Sau khi cổ phần hóa Công ty cổ phần 359 sẽ phải tiếp tục phát huy những thế mạnh sẵn có của mình, giữ vững ngành nghề truyền thống sản xuất vật liệu xây dựng nhờ vậy thị trường SXKD theo hướng chắc chắn, hiệu quả lợi nhuận cao, an toàn về tài chính.

- Cải tạo, sửa chữa nâng công suất nhà máy gạch tại Kiến An lên 40 - 45 triệu viên/năm.

- Hoàn thành việc xây mới nhà máy gạch Bình Liêu phân đầu đạt công suất 20 triệu viên/năm.

- Duy trì ổn định từng bước phát triển để phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty cổ phần một cách linh hoạt và hiệu quả trong SXKD. Công ty sẽ cơ cấu lại mô hình tổ chức, phân công rõ trách nhiệm cho từng người, từng bộ phận, mặt khác khuyến khích tính tự chủ, năng động của các bộ phận, cá nhân trong việc đóng góp phát triển chung của Công ty cổ phần. Mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của Công ty như sau:

+ Trong thời gian ngắn hạn Công ty tập trung tăng doanh thu trong lĩnh vực SXCN cũng như xây lắp đạt mục tiêu trên 220 tỷ vào năm 2015, đạt mức tăng trưởng về doanh thu khoảng từ 30 - 40% năm, đạt mức chia cổ tức 19 - 21% để tạo đà kêu gọi vốn đầu tư, phát triển doanh nghiệp.

+ Trong dài hạn: Mở rộng thị trường SXKD, tìm đối tác liên doanh, liên kết dần dần chuyển đổi dây chuyền công nghệ nhà máy gạch tại Kiến An từ gạch đất nung sang không nung và sản xuất gạch ceramic (gạch ốp lát cao cấp).

Xây dựng doanh nghiệp thành thương hiệu có uy tín trên thị trường, phát triển vốn điều lệ của doanh nghiệp đạt 50 đến 60 tỷ vào năm 2015.

### 17.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

**Bảng 12: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa**

Stt	KHOẢN MỤC	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
<b>I</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>				
1	Số lượng sản phẩm cho 1ĐVSP	viên	50.000.000	51.000.000	53.000.000
2	Giá bán bình quân	đồng	1.000	1.100	1.200
3	Doanh thu SXCN	đồng	50.000.000.000	56.100.000.000	63.600.000.000
4	Chi phí tổng thể SXCN	đồng	47.846.890.000	53.428.572.000	60.571.429.000

## Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp 359

5	Giá thành tổng thể cho 1ĐVSP	đồng	957	1.048	1.143
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	2.153.110.000	2.671.428.000	3.028.571.000
<b>II</b>	<b>Thi công xây lắp</b>				
1	Doanh thu xây lắp	đồng	76.561.098.000	81.769.128.000	84.521.048.000
2	Chi phí tổng thể xây lắp	đồng	73.616.441.000	78.624.162.000	81.270.239.000
3	Lợi nhuận xây lắp	đồng	2.944.657.000	3.144.966.000	3.250.809.000
<b>III</b>	<b>Tính tổng thể Công ty</b>				
1	Doanh thu	đồng	126.561.098.000	137.869.128.000	148.121.048.000
2	Chi phí	đồng	121.463.331.000	132.052.734.000	141.841.668.000
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	đồng	<b>5.097.767.000</b>	<b>5.816.394.000</b>	<b>6.279.380.000</b>
4	Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	%	4,03	4,22	4,24
5	Dự kiến vốn điều lệ	đồng	20.000.000.000	22.000.000.000	25.000.000.000
6	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	%	25,49	26,44	25,12
7	Tỷ suất lợi nhuận cổ tức / Vốn điều lệ	%	19,12	19,83	18,84
8	Thu nhập bình quân toàn Xí nghiệp	Đ/ng/tháng	3.750.000	4.050.000	4.300.000

(Nguồn: Xí nghiệp 359)

### 17.3 Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

#### Chiến lược Marketing

##### - Công tác thị trường:

+ Sản phẩm dịch vụ xây lắp: Công ty tập trung vào các thị trường truyền thống có sẵn như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, tạo mối quan hệ thân thiết, gắn bó với các Chủ đầu tư truyền thống như: Quân khu 3, Quân chủng Hải quân, UBND Thành phố Hải Phòng, Sở KHĐT, Sở NNPTNT, Sở VH - TT và DL, Tỉnh Quảng Ninh, các ban quản lý dự án, Viện kiểm sát tối cao...để tăng hiệu quả trong công tác tìm kiếm việc làm.

+ Sản phẩm công nghiệp: Tập trung khai thác các thị trường có sẵn như: các quận thuộc thành phố Hải Phòng, các huyện Kiến Thụy, An Dương, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo và các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Mở rộng thị trường Bình Liêu để tiêu thụ tốt gạch của Nhà máy II tại Bình Liêu.

- **Sản phẩm:** Nâng cao chất lượng sản phẩm của dịch vụ xây lắp bằng các biện pháp thi công, quản lý chất lượng chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000. Phấn đấu thực hiện mỗi công trình khi hoàn thành phải đạt được các yêu cầu sau: Đạt chất lượng tốt, đúng tiến độ, an toàn tuyệt đối, bàn giao đúng thời hạn theo hợp đồng.

Đối với sản phẩm công nghiệp khi đưa ra thị trường phải đạt được các yêu cầu theo tiêu chuẩn. Tạo lòng tin và giữ chữ tín với khách hàng bằng các dịch vụ: giao dịch, vận chuyển, bốc xếp... thuận tiện, nhanh gọn, chính xác. Tiếp tục đầu tư nghiên cứu để cho ra sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường..

- **Về giá sản phẩm:** Trong công tác xây lắp tận dụng tối đa tiềm năng thế mạnh của mình để đưa ra những phương án có hiệu quả trong công tác đấu thầu, đảm bảo khả năng thắng thầu. Trong thi công sử dụng các biện pháp thi công hợp lý, tiết kiệm, nắm bắt tốt thời cơ để mua được những loại vật tư có chất lượng tốt và giá thành hợp lý. Công tác điều hành trên công trường phải khoa học, đúng người đúng việc.

Đối với sản phẩm công nghiệp: Để tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt với giá thành cạnh tranh phải thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí trong sản xuất như: điện, xăng dầu, đất, than. Nâng cao năng suất lao động bằng các biện pháp như: sử dụng máy thay cho lao động thủ công ở một số công đoạn như: bộ phận ra lò, phơi đảo... duy trì thực hiện tốt qui trình công nghệ trong sản xuất có sẵn, nghiên cứu và cải tiến các qui trình trên sao cho khi vận hành đạt được các chỉ tiêu như: nhanh, chính xác, giảm nhân lực và giảm sản phẩm hư hỏng.

- **Công tác quảng bá sản phẩm:** Đầu tư cho công tác tiếp thị, quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet, khách hàng... các cán bộ kinh doanh và tập thể người lao động trong Công ty phải luôn có ý thức trong việc quảng bá về Công ty và sản phẩm của Công ty với các đối tác, người thân, bạn bè khi có cơ hội, để hình ảnh về sản phẩm của Công ty luôn luôn nằm trong sự lựa chọn của khách hàng khi có nhu cầu.



Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng, đào tạo những kỹ sư, cử nhân trẻ có trình độ và phẩm chất tốt tại các trường Đại học có uy tín về làm việc cho Công ty. Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc. Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi trường làm việc cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ nếu không muốn bị đào thải.



- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao và đáp ứng được tiến độ.

- Đầu tư có trọng điểm, hiệu quả đầu tư cao; Rút ngắn khoảng cách, đi tắt đón đầu, tạo thế cạnh tranh lành mạnh.

- Nghiên cứu đầu tư, cải tiến, thay thế những thiết bị đã cũ không đảm bảo được yêu cầu trong sản xuất. Tiếp tục đầu tư mới cho nhà máy gạch hiện nay để nâng công suất lên 40-45 triệu viên/năm.

- Tăng cường ứng dụng các thành tựu về khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành, thiết kế và thi công nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về chất và có tính cạnh tranh cao.

## **18 Các kiến nghị của Doanh nghiệp**

Đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV 319 - Xí nghiệp 359 để doanh nghiệp sớm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình hoạt động Công ty cổ phần.

*Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2011*

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**

**XÍ NGHIỆP 359**

**TRƯỞNG BAN**

*(đã ký)*

**CÔNG TY TNHH MTV 319**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Đại tá Đỗ Trọng**

**Đại tá Trần Trung Luyện**

**359**

**GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**Thượng tá Phạm Đức Long**

**MỤC LỤC TÀI LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ**

<b>DANH MỤC</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1. Danh sách người lao động có tên trong doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	Phụ lục 1
2. Danh sách lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh tại thời điểm cổ phần hóa	Phụ lục 2
3. Danh sách lao động không có nhu cầu sử dụng tại thời điểm cổ phần hóa và danh sách sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng điều chuyển về Tổng công ty 319	Phụ lục 3
4. Danh sách người lao động thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn hưởng trợ cấp mất việc làm và dự toán kinh phí trợ cấp thôi việc;	Phụ lục 4
5. Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi	Phụ lục 5
6. Quyết định số 3384/QĐ-BQP ngày 16/09/2011 của Bộ Quốc phòng về giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa	Phụ lục 6
7. Biên bản họp Cán bộ công nhân viên chức bất thường lấy ý kiến để hoàn thiện Phương án cổ phần hóa	Phụ lục 7
8. Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động công ty cổ phần	Phụ lục 8

**PHỤ LỤC 1: Danh sách người lao động có tên trong doanh nghiệp  
tại thời điểm cổ phần hóa.**



**PHỤ LỤC 2: Danh sách lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh tại thời điểm cổ phần hóa.**

**PHỤ LỤC 3: Danh sách lao động không có nhu cầu sử dụng tại thời điểm cổ phần hóa và danh sách sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng điều chuyển về Tổng công ty 319.**

**PHỤ LỤC 4: Danh sách người lao động thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn hưởng trợ cấp mất việc làm và dự toán kinh phí trợ cấp thôi việc.**

**PHỤ LỤC 5: Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi**

**PHỤ LỤC 6: Quyết định số 3384/QĐ-BQP ngày 16/09/2011 của Bộ Quốc phòng về giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp 359 thuộc Tổng công ty 319 để cổ phần hóa.**

**PHỤ LỤC 7: Biên bản họp Cán bộ công nhân viên chức bất thường lấy ý kiến để hoàn thiện Phương án cổ phần hóa.**

## **PHỤ LỤC 8: Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần**